

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2017, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2017.

**XÉT THẤY**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

***1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:***

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973

**Bị đơn:** Bà Hà Thị Đ, sinh năm 1963

Anh Hà Minh Q, sinh năm 1983

Người được bà Hà Thị Đ uỷ quyền tham gia tố tụng: Anh Hà Minh Q, sinh năm 1983

Đầu ĐKKHTT: Xóm Quyết Tiến, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972

Chị Hà Thị N1, sinh năm 1974

ĐTQ: Xóm Quyết Tiến, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

***2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:***

2.1. Về giấy chuyển nhượng ruộng đề ngày 22/01/2006, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H, anh Hà Minh Q bà Hà Thị Đ đều thống nhất xác định là giao dịch dân sự bị vô hiệu toàn bộ do không tuân thủ về hình thức.

2.2. Về phần lỗi phát sinh từ giao dịch dân sự vô hiệu: Các bên đương sự xác định: Giá trị thiệt hại của thửa đất theo biên bản định giá ngày 23/6/2017 = 49.600.000đ. Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H chịu 30% lỗi làm do giao dịch bị vô hiệu, tương ứng với số tiền 14.000.000đ, anh Hà Minh Q chịu 70% lỗi làm cho giao dịch chuyển nhượng QSD đất bị vô hiệu, tương ứng = 35.600.000đ.

Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H, anh Hà Minh Q nhất trí thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H chỉ yêu cầu anh Hà Minh Q trả số tiền mua đất ban đầu là 2.000.000đ và 30.000.000đ giá trị tiền chênh lệch đất là phần lỗi anh Q làm cho giao dịch bị vô hiệu, tổng là **32.000.000đ** (ba mươi hai triệu đồng chẵn).

\* *Về thời hạn trả, phương thức trả:* Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H, anh Hà Minh Q nhất trí thỏa: Anh Q trả một lần toàn bộ số tiền **32.000.000đ** (ba mươi hai triệu đồng chẵn) cho anh N, chị H vào ngày 30/01/2018 (đương lịch). Không yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả cùng.

\* *Về lãi xuất chậm thi hành án:* anh N, chị H, anh Q thống nhất không yêu cầu tính lãi xuất chậm trả trong trường hợp anh Q vi phạm thời hạn thanh toán.

2.3 .Đối với giấy chứng nhận QSD đất số CD 515522 ngày 24/5/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp mang tên anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị N1 đối với thửa đất số 442, tờ bản đồ 4(108), diện tích 248 m<sup>2</sup> thuộc xóm Quyết Tiến, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên:

Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H, anh Hà Minh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh T, chị N1 nhất trí thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị N1 được toàn quyền sử dụng đối với thửa đất số 442, tờ bản đồ 4(108), diện tích 248 m<sup>2</sup> thuộc xóm Quyết Tiến, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Anh N, chị H có trách nhiệm bàn giao toàn bộ thửa đất trên cho anh T, chị N1, kể từ khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

2.4 *Về chi phí thẩm định và định giá:* số tiền 1000.000đ anh N, chị H, anh Q thống nhất thỏa thuận: chị H, anh N chịu toàn bộ chi phí 1000.000đ (đã nộp và chi phí hết), không yêu cầu anh Q, bà Đ có trách nhiệm chi phí cùng

2.5. *Án phí:* Anh Hà Minh Q thống nhất thỏa thuận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của khoản tiền phải thanh toán từ giao dịch dân sự vô hiệu (bằng 50% mức án phí theo quy định), được xác định là ( 32.000.000đ x 5%) : 2 = 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại chị H, anh N tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên số tiền 1000.000đ (một triệu đồng) biên lai thu số 0009507 ngày 25/4/2017.

Anh Nguyễn Văn T chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập được chấp nhận (bằng 50% mức án phí) cụ thể = 150.000đ, được trừ vào số tiền anh Thăng đã nộp tạm ứng án phí 1000.000đ biên lai thu số 0009675 ngày 19/6/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, anh Thăng được trả lại 850.000đ (tám trăm năm mươi ngàn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Tiên Phong, TX PY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**



TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc TỈNH QUẢNG BÌNH  
Đồng Hới, ngày 11 tháng 8 năm 2017 Số: 03/2017/QĐST-HNGĐ QUYẾT  
ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ Căn cứ vào  
các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 7 Điều 26  
Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày  
30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ  
phí Tòa án. Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017 về  
việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân  
sự thụ lý số: 175/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017. XÉT THẤY:  
Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc  
giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự  
không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn  
07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi  
ý kiến về sự thoả thuận đó. QUYẾT ĐỊNH: 1. Công nhận sự thoả thuận của các  
đương sự: - Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ  
khẩu và chỗ ở hiện nay: Tổ y, TDP x, phường B, TP Đ, tỉnh Quảng Bình; Nghề  
nghiệp: Công nhân. - Bị đơn: Chị Đinh Thị Hồng Đ, sinh năm 1984 Nơi đăng ký  
hộ khẩu và chỗ ở hiện nay: TDP C, phường Đ, TP Đ, Quảng Bình; Nghề nghiệp:  
Thợ may.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Thay đổi người trực tiếp nuôi con tại Quyết định công nhận thuận tình  
ly hôn và thoả thuận của các đương sự số 159/2015/QĐST-HNGĐ, ngày  
09/12/2015 của TAND thành phố Đồng Hới: Giao cháu Nguyễn Huy H, sinh  
ngày 26/12/2013 cho anh Nguyễn Minh Quyết trực tiếp chăm sóc nuôi  
dưỡng, chị Đinh Thị Hồng Đức không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.  
Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, cấm  
không ai được cản trở.** 2.2. Về án phí DSST: Anh Nguyễn Minh Q và chị Đinh  
Thị Hồng Đ mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung  
quỹ Nhà nước. Hai 2 bên thoả thuận anh Q chịu toàn bộ án phí thay cho chị Đ.  
Số tiền án phí anh Nguyễn Minh Q phải nộp được khấu trừ từ 300.000 đồng tạm  
ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Đồng Hới theo biên lai số  
AA/2017/ 0000117 ngày 05/7/2017. Trả lại cho anh Nguyễn Minh Q số tiền  
150.000 đồng còn lại sau khi khấu trừ. 3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật  
ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục  
phúc thẩm. Nơi nhận: THẨM PHÁN - VKSND TP. Đồng Hới; - TAND tỉnh  
Quảng Bình; - THADS TP. Đồng Hới; - Các đương sự - Lưu hồ sơ, Lưu án. Lê  
Hồng Sơn



**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:**

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).
- (3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).
- (4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).
- (9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).
- (10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

